

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST

Ngày: 30- 7- 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Thuận, ông Đinh Văn Tân

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên toà.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh H.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Duy H, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh H.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Văn H: Bà Nguyễn Thị H1 – vợ ông H (Văn bản ủy quyền ngày 18/6/2021).

Tại phiên toà có mặt bà H và bà H1; vắng mặt ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trương Thị H trình bày:

Bà Trương Thị H và bà Nguyễn Thị H1, ông Trương Duy H có quan hệ chị em (Ông Trương Duy H là em trai bà Trương Thị H). Vào các năm 2015, 2016 bà

H1, ông H có vay bà H nhiều lần tiền và vàng. Ngày 27/6/2019 hai bên thống nhất chốt nợ, bà H1 còn nợ bà H số tiền 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng) và 11 chỉ vàng 9999, hạn trả nợ vào ngày 27/6/2020; về lãi suất, sau ngày 27/6/2020 lãi suất được tính theo lãi suất gửi tiết kiệm của ngân hàng Nông nghiệp. Quá trình vay nợ, bà H1, ông H đã trả được số tiền 50.000.000đ.

Ngày 24/6/2021 bà H và bà H1 thống nhất: Bà H1, ông H còn nợ bà H số tiền gốc là 219.000.000 đồng và tiền lãi 2.000.000 đồng, tổng cả tiền gốc và tiền lãi là 221.000.000đ. Bà H yêu cầu bà H1, ông H trả ngay số tiền trên.

Tại bản tự khai ngày 18/6/2021 và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà H1 thống nhất vợ chồng bà có vay của bà Trương Thị H số tiền là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng) và 11 chỉ vàng 9999, thời hạn trả nợ vào ngày 27/6/2020; về lãi suất, sau ngày 27/6/2020 lãi suất được tính theo lãi suất gửi tiết kiệm của ngân hàng Nông nghiệp, nếu sau ngày 27/6/2020 không trả hết nợ sẽ tính lãi như ý kiến của bà Hiệp. Đến nay, vợ chồng bà còn nợ của bà H số tiền gốc là 160.000.000 đồng và 11 chỉ vàng quy thành tiền là 59.000.000 đồng. Đến ngày 24/6/2021 bà H và bà H1 thống nhất bà H1, ông H còn nợ bà H số tiền gốc là 219.000.000 đồng và tiền lãi 2.000.000 đồng, tổng cả tiền gốc và tiền lãi là 221.000.000đ, đồng thời thống từ ngày 24/6/2021 số tiền 221.000.000 đồng được tính lãi với mức lãi suất 1%/tháng/1.000.000 đồng. Tuy nhiên, do khó khăn về kinh tế bà H1, ông H chưa trả ngay được toàn bộ số tiền trên, bà H1 đề nghị được trả dần, một tháng trả số tiền là 1.500.000đ cho bà H.

Bà H không thống nhất phương án trả nợ của bà H1 mà vẫn yêu cầu bà H1, ông H trả ngay trả ngay toàn bộ số tiền 221.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà H1 và bà H thống nhất bà H1 và ông H còn nợ bà H số tiền 221.000.000 đồng. Số tiền này được tính lãi với mức lãi suất 1%/1 tháng/1 triệu đồng, thời gian tính lãi từ ngày 24/6/2021 cho đến khi bà H1, ông H trả xong toàn bộ số tiền vay trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trương Thị H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 trả số tiền gốc đã vay và lãi là 221.000.000đ (Hai trăm hai mươi một triệu đồng). Theo khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là bà Nguyễn Thị H1 có

đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành. Quá trình giải quyết vụ án bà H và bà H1 không thỏa thuận được với nhau. Do đó, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và điều luật áp dụng: Giao dịch dân sự giữa bà H với vợ chồng bà H1, ông H được thực hiện là quan hệ “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”. Hợp đồng có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu trả tiền gốc: Từ năm 2015, 2016 bà H1, ông H có vay bà H nhiều lần tiền và vàng. Ngày 27/6/2019 hai bên thống nhất chốt nợ, bà H1, ông H còn nợ bà H số tiền 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng) và 11 chỉ vàng 9999, hạn trả nợ vào ngày 27/6/2020; lãi suất được tính theo lãi suất gửi tiết kiệm của ngân hàng Nông nghiệp. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ bà H1, ông H không trả được toàn bộ số tiền và vàng cho bà H. Như vậy, bà H1 và ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết. Vì vậy: Buộc bà Nguyễn Thị H1, ông Trương Duy H phải trả cho bà Trương Thị H số tiền gốc và lãi là 221.000.000đ (Hai trăm hai mươi một triệu đồng) theo thỏa thuận là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về yêu cầu trả tiền lãi: Theo thỏa thuận về lãi suất ngày 24/6/2021 và tại phiên tòa giữa bà H và bà H1, số tiền 221.000.000 đồng được tính lãi với mức lãi suất 1%/1 tháng/1.000.000 đồng. Lãi suất phát sinh từ ngày 24/6/2021 đến ngày xét xử là một tháng 06 ngày, số tiền lãi sẽ là:

$$221.000.000\text{đ} \times 1\% \times 01 \text{ tháng } 06 \text{ ngày} = 2.520.000 \text{ đồng.}$$

Do bà H1, ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết. Vì vậy buộc bà H1, ông H phải có trách nhiệm trả nợ cho bà H số tiền nợ gốc là 221.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh đến ngày 30/7/2021 là 2.520.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi bà H1, ông H phải trả cho bà H là: 223.520.000đ (Hai trăm hai mươi ba triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng).

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên bà H1, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật tương ứng với số tiền phải trả nợ là: $223.520.000\text{đ} \times 5\% = 11.176.000\text{đ}$ (Mười một triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Bà Trương Thị H được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 357; 463; 466; khoản 1 Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điều 147; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị H1 và ông Trương Duy H phải trả cho bà Trương Thị H số tiền gốc và lãi là 221.000.000đ và số tiền lãi phát sinh là 2.520.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi bà H1 và ông H phải trả cho bà H số tiền là 223.520.000đ (Hai trăm hai mươi ba triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/1.000.000đ/ 1 tháng, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H1, ông Trương Duy H phải chịu 11.176.000đ (Mười một triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trương Thị H được hoàn trả lại số tiền 6.625.000đ (Sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí DSST bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2018/0003127 ngày 26/5/2021.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà Trương Thị H, bà Nguyễn Thị H1; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Duy H. Bà Trương Thị H và bà Nguyễn Thị H1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Duy H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Thuận

Nguyễn Ngọc Phương

Bùi Văn Tuấn